BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT THÁNG 10/2026

9 tháng năm 2026: Giao thương với các thị trường có FTA tăng trưởng tích cực, nhập khẩu từ các thị trường thành viên RCEP chiếm tỷ trọng áp đảo

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hà Nội, 2026

9 tháng năm 2026: Giao thương với các thị trường có FTA tăng trưởng tích cực, nhập khẩu từ các thị trường thành viên RCEP chiếm tỷ trọng áp đảo

Trong 9 tháng đầu năm 2026, hoạt động giao thương của Việt Nam với các thị trường thành viên thuộc các hiệp định thương mại tự do (FTA) tiếp tục diễn ra sôi động, với kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, diễn biến giữa các thị trường có sự khác biệt rõ rệt. Trong khi các thị trường thành viên RCEP tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cả xuất khẩu và nhập khẩu, các thị trường thành viên EVFTA và CPTPP cũng ghi nhận đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu.

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 9 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 434,3 tỷ USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2025; Nhập khẩu đạt 453,7 tỷ USD, tăng 36,7%. Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, khiến Việt Nam nhập siêu khoảng 19,4 tỷ USD trong kỳ.

Xét về xuất khẩu, các thị trường thành viên RCEP là nhóm thị trường có quy mô lớn nhất trong các FTA được thống kê. Kim ngạch xuất khẩu sang nhóm thị trường này trong 9 tháng đạt 155,6 tỷ USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 35,8% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, tăng nhẹ so với mức 35,7% của cùng kỳ năm 2025. CPTPP đứng thứ hai với kim ngạch 64,0 tỷ USD, tăng 23,5%, chiếm 14,7% tổng xuất khẩu, giảm nhẹ so với mức 14,9% của cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, xuất khẩu sang EVFTA đạt 50,8 tỷ USD, tăng 21,8%, chiếm 11,7%, thấp hơn mức 12,0% của cùng kỳ năm 2025. Những kết quả này cho thấy xuất khẩu sang các thị trường FTA chủ chốt tiếp tục tăng về giá trị, nhưng tỷ trọng của CPTPP và EVFTA giảm nhẹ do tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng chung của cả nước.

Đối với Vương quốc Anh theo UKVFTA, kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng đạt 7,5 tỷ USD, tăng 21,0% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 1,7% tổng xuất khẩu, giảm nhẹ so với mức 1,8% của cùng kỳ năm 2025. Xuất khẩu sang EAEU đạt 2,2 tỷ USD, tăng 1,9%, nhưng tỷ trọng giảm từ 0,6% xuống 0,5%. Như vậy, mặc dù các thị trường này tiếp tục đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu, quy mô còn nhỏ và mức tăng trưởng chưa đồng đều so với các nhóm FTA lớn.

Ở chiều nhập khẩu, RCEP tiếp tục chiếm ưu thế vượt trội. Trong 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu từ nhóm thị trường này đạt 334,4 tỷ USD, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 73,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, cao hơn mức 72,9% của cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng gần ba phần

tư tổng nhập khẩu cho thấy mức độ gắn kết sâu của Việt Nam với chuỗi cung ứng khu vực.

CPTPP đứng thứ hai về nhập khẩu, đạt 50,2 tỷ USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2025, nhưng tỷ trọng giảm từ 11,9% xuống 11,1%. Nhập khẩu từ EVFTA đạt 14,7 tỷ USD, tăng 13,9%, trong khi tỷ trọng giảm từ 3,9% xuống 3,2%. Với EAEU, kim ngạch nhập khẩu đạt 2,6 tỷ USD, tăng 33,2%, nhưng tỷ trọng duy trì ở mức 0,6%. Nhập khẩu từ Anh theo UKVFTA đạt 773 triệu USD, tăng 8,1%, chiếm 0,2% tổng nhập khẩu, tương đương cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, nhập khẩu từ các nhóm thị trường đều tăng, song RCEP là khu vực có quy mô và tỷ trọng áp đảo, trong khi CPTPP và EVFTA có tốc độ tăng thấp hơn mức tăng chung của nhập khẩu cả nước.

Sự chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu cũng khiến cán cân thương mại giữa các nhóm FTA phân hóa đáng kể. Trong 9 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất siêu lớn nhất sang EVFTA, đạt khoảng 36,1 tỷ USD; tiếp đến là CPTPP với 13,9 tỷ USD và Anh với 6,8 tỷ USD. Ngược lại, Việt Nam nhập siêu khoảng 178,8 tỷ USD từ RCEP và 414 triệu USD từ EAEU. Đáng chú ý, mức thâm hụt với RCEP lớn hơn nhiều so với thặng dư đạt được tại từng nhóm thị trường còn lại. Dù RCEP là thị trường xuất khẩu lớn, Việt Nam đồng thời phụ thuộc đáng kể vào nguồn hàng nhập khẩu từ khu vực này.

NỘI DUNG BÀI VIẾT

- Tổng quan tình hình thương mại giữa Việt Nam với các thị trường FTA

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 9/2026, cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường thành viên thuộc các hiệp định thương mại tự do (FTA) có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm thị trường xuất siêu và nhập siêu. Việt Nam duy trì thặng dư thương mại với các thị trường thành viên hiệp định EVFTA, CPTPP và UKVFTA, trong khi thâm hụt thương mại với EAEU và đặc biệt là RCEP.

Trong đó, các thị trường thuộc hiệp định EVFTA ghi nhận mức xuất siêu cao nhất trong tháng, đạt 4,8 tỷ USD, với kim ngạch xuất khẩu đạt 6,6 tỷ USD và nhập khẩu đạt 1,8 tỷ USD. CPTPP đứng thứ hai với mức thặng dư 2,1 tỷ USD, khi xuất khẩu đạt 7,8 tỷ USD và nhập khẩu đạt 5,7 tỷ USD. Đối với thị trường UKVFTA, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,0 tỷ USD, trong khi nhập khẩu chỉ đạt 86 triệu USD, đưa mức xuất siêu lên 937 triệu USD. Ở chiều ngược lại, Việt Nam nhập siêu khoảng 21,1 tỷ USD từ RCEP, với kim ngạch nhập khẩu đạt 43,4 tỷ USD, cao gần gấp đôi xuất khẩu. Cán cân thương mại với EAEU cũng thâm hụt 71 triệu USD.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, EVFTA tiếp tục là thị trường mang lại thặng dư thương mại lớn nhất cho Việt Nam, đạt 36,1 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 50,8 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 14,7 tỷ USD. Mức xuất siêu lớn cho thấy Việt Nam đang duy trì lợi thế đáng kể trong trao đổi hàng hóa với thị trường Liên minh châu Âu. Đây cũng là cơ sở để doanh nghiệp tiếp tục khai thác các ưu đãi thuế quan từ hiệp định, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị xuất khẩu.

Đứng thứ hai về mức thặng dư thương mại trong 9 tháng là CPTPP, với kim ngạch xuất khẩu đạt 64,0 tỷ USD, nhập khẩu đạt 50,2 tỷ USD và xuất siêu 13,9 tỷ USD. So với EVFTA, quy mô xuất khẩu sang CPTPP lớn hơn nhưng mức thặng dư thấp hơn đáng kể do kim ngạch nhập khẩu cũng ở mức cao. Trong khi đó, tại thị trường Vương quốc Anh, Việt Nam cũng ghi nhận mức xuất siêu 6,8 tỷ USD, với xuất khẩu đạt 7,5 tỷ USD và nhập khẩu đạt 773 triệu USD. Mặc dù quy mô thương mại nhỏ hơn EVFTA và CPTPP, hiệp định UKVFTA vẫn đóng góp tích cực vào thặng dư thương mại của Việt Nam trong kỳ.

Bảng 1: Cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường thành viên thuộc các Hiệp định FTA

(ĐVT: triệu USD)

Thị trường	Tháng 9/2026			9 tháng năm 2026		
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
EVFTA	6.568	1.794	4.774	50.771	14.707	36.063
CPTPP	7.756	5.678	2.078	64.036	50.159	13.877
UKVFTA	1.023	86	937	7.528	773	6.755
EAEUFTA	209	279	-71	2.156	2.570	-414
RCEP	22.304	43.362	-21.057	155.594	334.391	-178.797

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Ở chiều ngược lại, RCEP là khu vực có mức thâm hụt thương mại lớn nhất, lên tới 178,8 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2026. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên đạt 155,6 tỷ USD, trong khi nhập khẩu lên tới 334,4 tỷ USD, cao hơn gấp đôi xuất khẩu. Khoảng cách lớn giữa hai chiều thương mại cho thấy Việt Nam có mức độ nhập khẩu đáng kể từ khu vực này. Một trong những yếu tố cần xem xét là nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, linh kiện, máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất trong nước, đặc biệt đối với các ngành có mức độ tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực.

Đối với EAEU, cán cân thương mại của Việt Nam cũng ghi nhận thâm hụt trong 9 tháng đầu năm, nhưng ở mức thấp hơn nhiều so với RCEP. Cụ thể, xuất khẩu đạt 2,2 tỷ USD, nhập khẩu đạt 2,6 tỷ USD, khiến Việt Nam nhập siêu 414 triệu USD. Mức thâm hụt này cho thấy kim ngạch nhập khẩu từ thị trường EAEU vẫn cao hơn xuất khẩu, song chênh lệch chưa lớn so với quy mô thương mại của nhóm thị trường này.

Về xuất khẩu

Trong tháng 9/2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực, với kim ngạch đạt 59,5 tỷ USD, tăng 8,6% so với tháng 8/2026 và tăng 39,2% so với tháng 9/2025. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 434,3 tỷ USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2025. Trong bối cảnh đó, các thị trường thành viên thuộc các hiệp định thương mại tự do tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xuất khẩu, với mức tăng trưởng khác nhau giữa các thị trường. Xét theo tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu

của cả nước, RCEP là nhóm thị trường chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là CPTPP và EVFTA.

Cụ thể, trong tháng 9/2026, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường thuộc RCEP đạt 22,3 tỷ USD, tăng 13,6% so với tháng trước và tăng 38,9% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm, xuất khẩu sang nhóm thị trường này đạt 155,6 tỷ USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 35,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, cao hơn mức 35,7% của cùng kỳ năm 2025. Với quy mô thị trường lớn và tỷ trọng chiếm hơn một phần ba tổng xuất khẩu cả nước, RCEP tiếp tục là khu vực có vai trò nổi bật trong hoạt động thương mại hàng hóa của Việt Nam. Tỷ trọng xuất khẩu sang nhóm thị trường này tăng nhẹ cho thấy vị thế của RCEP trong cơ cấu thị trường xuất khẩu vẫn được duy trì.

Đứng thứ hai về quy mô xuất khẩu là CPTPP. Trong tháng 9/2026, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 7,8 tỷ USD, giảm 8,5% so với tháng 8/2026 nhưng tăng 26,4% so với tháng 9/2025. Tính chung 9 tháng đầu năm, xuất khẩu đạt 64,0 tỷ USD, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tỷ trọng của CPTPP trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước giảm từ 14,9% trong 9 tháng năm 2025 xuống 14,7% trong 9 tháng năm 2026. Diễn biến này cho thấy dù xuất khẩu sang CPTPP vẫn tăng trưởng khá, tốc độ tăng chưa theo kịp mức tăng chung của cả nước, khiến tỷ trọng của nhóm thị trường này giảm nhẹ.

Bảng 2: Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam theo các Hiệp định FTA trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 9/2026 (Triệu USD)	So với tháng 8/2026 (%)	So với tháng 9/2025 (%)	9 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 9 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
Tổng XK	59.506	8,6	39,15	434.324	24,5	100	100
RCEP	22.304	13,61	38,95	155.594	24,8	35,8	35,7
CPTPP	7.756	-8,47	26,4	64.036	23,5	14,7	14,9
EVFTA	6.568	3,74	39,26	50.771	21,8	11,7	12,0
UKVFTA	1.023	-8,57	37,28	7.528	21,0	1,7	1,8
EAEUFTA	209	-11,63	-1,72	2.156	1,9	0,5	0,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong khi đó, xuất khẩu sang EVFTA trong tháng 9/2026 đạt 6,6 tỷ USD, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 39,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 9

tháng, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 50,8 tỷ USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng của EVFTA giảm từ 12,0% xuống 11,7%, cho thấy xuất khẩu sang thị trường này tiếp tục mở rộng về quy mô nhưng đóng góp tương đối trong tổng xuất khẩu cả nước giảm nhẹ.

Đối với thị trường Vương quốc Anh, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2026 đạt 1,0 tỷ USD, giảm 8,6% so với tháng trước nhưng tăng 37,3% so với cùng kỳ năm 2025. Trong 9 tháng đầu năm, xuất khẩu sang Anh đạt 7,5 tỷ USD, tăng 21,0% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước giảm từ 1,8% xuống 1,7%. Tương tự, xuất khẩu sang EAEU trong tháng 9/2026 đạt 209 triệu USD, giảm 11,6% so với tháng 8/2026 và giảm 1,7% so với tháng 9/2025. Lũy kế 9 tháng, kim ngạch xuất khẩu sang nhóm thị trường này đạt 2,2 tỷ USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, nhưng tỷ trọng giảm từ 0,6% xuống 0,5%. Đây là nhóm thị trường có quy mô xuất khẩu nhỏ nhất trong số các thị trường FTA được thống kê, đồng thời ghi nhận mức tăng trưởng lũy kế thấp nhất.

Về nhập khẩu

Trong tháng 9/2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 58,2 tỷ USD, tăng 6,0% so với tháng 8/2026 và tăng 45,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 453,7 tỷ USD, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh nhập khẩu tăng mạnh, các thị trường thuộc những hiệp định thương mại tự do tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cung ứng hàng hóa cho Việt Nam, song quy mô và tốc độ tăng trưởng có sự khác biệt đáng kể giữa các thị trường. Trong đó, RCEP tiếp tục là nhóm thị trường có tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước, vượt xa các nhóm CPTPP, EVFTA, EAEU và UKVFTA.

Cụ thể, trong tháng 9/2026, kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thuộc RCEP đạt 43,4 tỷ USD, tăng 8,0% so với tháng trước và tăng 50,3% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm, nhập khẩu từ nhóm thị trường này đạt 334,4 tỷ USD, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 73,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, cao hơn mức 72,9% của cùng kỳ năm 2025. Với tỷ trọng chiếm gần ba phần tư tổng nhập khẩu cả nước, RCEP tiếp tục là nguồn cung hàng hóa chủ đạo cho thị trường Việt Nam.

Đứng thứ hai về tỷ trọng nhập khẩu là CPTPP. Trong tháng 9/2026, kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thành viên đạt 5,7 tỷ USD, tăng 8,7% so với

tháng 8/2026 và tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng, nhập khẩu đạt 50,2 tỷ USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, tỷ trọng của CPTPP trong tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước giảm từ 11,9% xuống 11,1%. Trong khi đó, nhập khẩu từ EVFTA trong tháng 9 đạt 1,8 tỷ USD, tăng 9,3% so với tháng trước và tăng 21,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 9 tháng, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này đạt 14,7 tỷ USD, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, tỷ trọng trong tổng nhập khẩu giảm từ 3,9% xuống 3,2%.

Đối với EAEU, kim ngạch nhập khẩu trong tháng 9/2026 đạt 279 triệu USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng mạnh 74,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 9 tháng đầu năm, nhập khẩu từ nhóm thị trường này đạt 2,6 tỷ USD, tăng 33,2% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng lũy kế cao, tỷ trọng nhập khẩu của EAEU vẫn duy trì ở mức 0,6%, tương đương cùng kỳ năm 2025. Trong khi đó, nhập khẩu từ Anh theo UKVFTA đạt 86 triệu USD trong tháng 9, giảm 0,6% so với tháng trước nhưng tăng 2,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 9 tháng, kim ngạch nhập khẩu đạt 773 triệu USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2025; tỷ trọng trong tổng nhập khẩu cả nước duy trì ở mức 0,2%. So với các nhóm thị trường còn lại, EAEU ghi nhận tốc độ tăng nhập khẩu lũy kế cao hơn CPTPP, EVFTA và UKVFTA, trong khi UKVFTA có quy mô nhập khẩu nhỏ nhất trong số các nhóm thị trường được thống kê.

Bảng 3: Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam theo các Hiệp định FTA trong tháng 9 và 9 tháng năm 2026

Thị trường	Tháng 9/2026 (Triệu USD)	So với tháng 8/2026 (%)	So với tháng 9/2025 (%)	9 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 9 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
Tổng NK	58.207	6,0	45,9	453.715	36,7	100	100
RCEP	43.362	8,0	50,3	334.391	38,2	73,7	72,9
CPTPP	5.678	8,7	24,2	50.159	26,6	11,1	11,9
EVFTA	1.794	9,3	21,9	14.707	13,9	3,2	3,9
EAEUFTA	279	8,7	74,8	2.570	33,2	0,6	0,6
UKVFTA	86	-0,6	2,2	773	8,1	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang các thị trường thành viên FTA

- Mặt hàng giấy và sản phẩm từ giấy

Theo số liệu thống kê, trong tháng 9/2026, xuất khẩu giấy và các sản phẩm giấy của Việt Nam đạt 207,5 triệu USD, giảm 13,0% so với tháng 8/2026 nhưng tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 1,86 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo các thị trường thành viên thuộc những hiệp định thương mại tự do, RCEP tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực, chiếm gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy của Việt Nam. Trong khi đó, CPTPP đứng thứ hai về tỷ trọng, còn UKVFTA và EVFTA có quy mô xuất khẩu nhỏ hơn nhưng vẫn ghi nhận tăng trưởng tích cực trong 9 tháng đầu năm.

Cụ thể, trong tháng 9/2026, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy sang các thị trường thuộc hiệp định RCEP đạt 103,9 triệu USD, giảm 10,3% so với tháng trước nhưng tăng 34,4% so với tháng 9/2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu sang nhóm thị trường này đạt 885,6 triệu USD, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 47,7% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giấy của cả nước, cao hơn mức 46,0% của cùng kỳ năm trước. Với quy mô chiếm gần một nửa tổng xuất khẩu, RCEP tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với đầu ra của ngành giấy Việt Nam.

Đứng thứ hai về quy mô là CPTPP. Trong tháng 9/2026, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy sang các thị trường thành viên đạt 24,7 triệu USD, giảm 4,3% so với tháng 8/2026 và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng, kim ngạch xuất khẩu đạt 221,0 triệu USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, tỷ trọng của CPTPP trong tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giấy giảm từ 12,1% xuống 11,9%.

Đối với thị trường Anh, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy trong tháng 9/2026 đạt 2,1 triệu USD, giảm 1,6% so với tháng trước nhưng tăng 26,2% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 15,1 triệu USD, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng của thị trường này duy trì ở mức 0,8% tổng kim ngạch xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy của Việt Nam. Mặc dù quy mô còn khiêm tốn, tốc độ tăng trưởng lũy kế cao hơn mức tăng chung 16,4%, cho thấy xuất khẩu sang thị trường Anh có những chuyển biến tích cực.

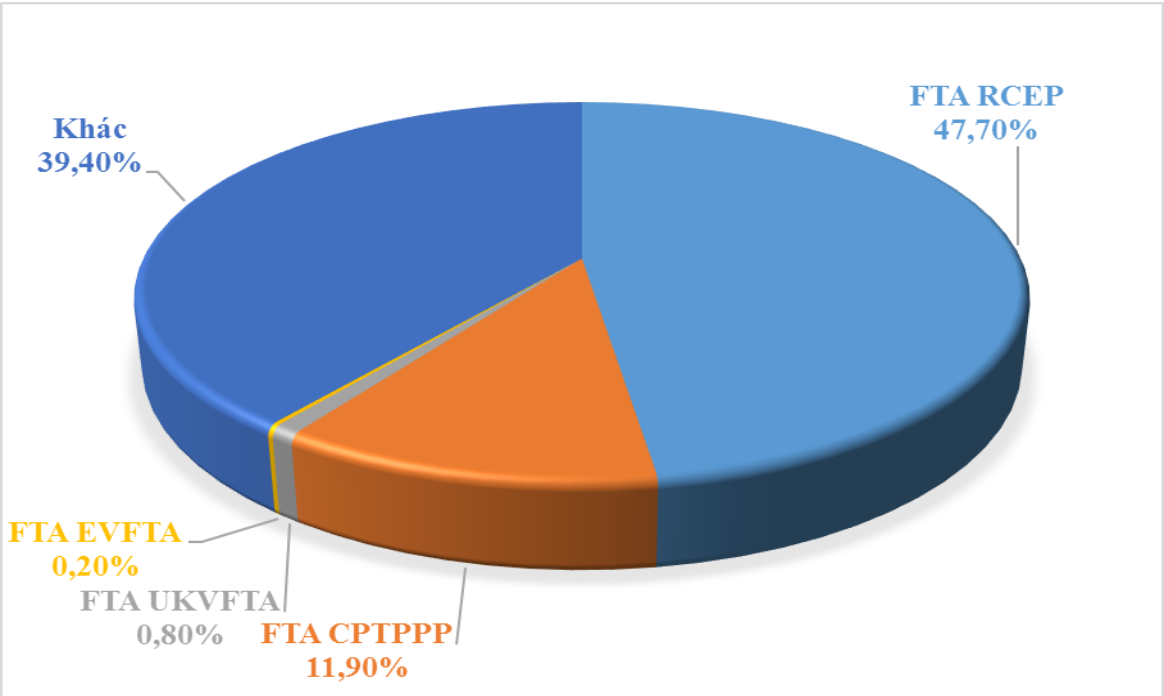
Bảng 4: Xuất khẩu giấy và các sản phẩm giấy của Việt Nam sang các thị trường Hiệp định FTA trong tháng 9 và 9 tháng năm 2026

Thị trường	Tháng 9/2026 (Triệu USD)	So với tháng 8/2026 (%)	So với tháng 9/2025 (%)	9 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 9 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
Tổng XK	207,5	-13	16,1	1855,9	16,4	100	100
RCEP	103,9	-10,3	34,4	885,6	20,7	47,7	46
CPTPP	24,7	-4,3	5,1	221	14,3	11,9	12,1
UKVFTA	2,1	-1,6	26,2	15,1	25,4	0,8	0,8
EVFTA	0,7	-0,1	41,8	4,1	19,6	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong khi đó, xuất khẩu giấy và các sản phẩm giấy của Việt Nam sang các thị trường thành viên EVFTA trong tháng 9/2026 đạt 0,7 triệu USD, giảm 0,1% so với tháng trước nhưng tăng 41,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng, kim ngạch đạt 4,1 triệu USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2025; tỷ trọng duy trì ở mức 0,2%. Mặc dù kim ngạch còn thấp, mức tăng trưởng trong tháng 9 cho thấy xuất khẩu sang thị trường EVFTA có diễn biến khả quan so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 1: Tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng giấy và sản phẩm giấy của Việt Nam theo các thị trường FTA trong 9 tháng năm 2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Hải quan Việt Nam

Mức cắt giảm thuế quan đối với mặt hàng giấy và sản phẩm giấy đến năm 2026 trong một số FTA:

FTA	Cam kết thuế quan đối với mặt hàng giấy và sản phẩm giấy các loại tính đến năm 2026
EVFTA	Đến năm 2026, thuế nhập khẩu đối với nhiều mặt hàng giấy và sản phẩm giấy có xuất xứ Việt Nam vào EU đã được cắt giảm theo lộ trình cam kết, trong đó có những mặt hàng đã đạt mức thuế suất 0%. Mức ưu đãi cụ thể phụ thuộc vào từng dòng thuế và việc đáp ứng quy tắc xuất xứ của Hiệp định.
CPTPP	Đến năm 2026, nhiều mặt hàng giấy và sản phẩm giấy xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên được hưởng thuế suất ưu đãi thấp hơn hoặc bằng 0% theo lộ trình cam kết. Tuy nhiên, tiến độ cắt giảm khác nhau giữa các nước thành viên và từng nhóm sản phẩm.
UKVFTA	Đến năm 2026, thuế nhập khẩu của Anh đối với nhiều mặt hàng giấy và sản phẩm giấy có xuất xứ Việt Nam tiếp tục được cắt giảm theo lộ trình kế thừa từ EVFTA. Một số mặt hàng đã được hưởng thuế suất 0%, trong khi mức thuế của các dòng hàng khác cần căn cứ biểu cam kết cụ thể.
EAEUFTA	Đến năm 2026, các mặt hàng giấy và sản phẩm giấy được hưởng ưu đãi thuế quan theo cam kết của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EAEU. Mức cắt giảm và thời điểm xóa bỏ thuế phụ thuộc vào từng dòng thuế; không áp dụng đồng nhất mức thuế suất 0% cho toàn bộ nhóm hàng.
RCEP	Đến năm 2026, thuế nhập khẩu đối với giấy và sản phẩm giấy xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên tiếp tục được cắt giảm theo lộ trình của từng nước. Mức ưu đãi khác nhau giữa các thị trường, trong đó có những dòng thuế đã được giảm về 0% và những dòng vẫn đang trong quá trình thực hiện cam kết.

- Mặt hàng xơ, sợi dệt các loại

Trong tháng 9/2026, xuất khẩu mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam đạt 435,6 triệu USD, giảm 2,2% so với tháng 8/2026 nhưng tăng 22,4% so với cùng kỳ năm

2025. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 3,60 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, các thị trường thành viên thuộc các hiệp định thương mại tự do tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu xơ, sợi dệt của Việt Nam, đặc biệt là RCEP. Tuy nhiên, diễn biến xuất khẩu giữa các thị trường có sự khác biệt, cả về quy mô, tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng đóng góp trong tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này.

Cụ thể, RCEP tiếp tục là thị trường xuất khẩu xơ, sợi dệt lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 9/2026, kim ngạch xuất khẩu sang nhóm thị trường này đạt 322,0 triệu USD, giảm nhẹ 0,2% so với tháng trước nhưng tăng 26,0% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm, xuất khẩu đạt 2,6 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 71,7% tổng kim ngạch xuất khẩu xơ, sợi dệt của cả nước, cao hơn mức 67,8% của cùng kỳ năm 2025. Với kim ngạch chiếm hơn 70% tổng xuất khẩu, nhóm thị trường RCEP tiếp tục là đầu ra chủ lực của ngành xơ, sợi dệt Việt Nam.

Đứng thứ hai là CPTPP, với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2026 đạt 16,2 triệu USD, tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 32,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng đầu năm, xuất khẩu xơ, sợi dệt sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 129,2 triệu USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, tỷ trọng của nhóm thị trường này trong tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giảm từ 3,8% xuống 3,6%.

Đối với EVFTA, xuất khẩu xơ, sợi dệt của Việt Nam trong tháng 9/2026 đạt 6,9 triệu USD, giảm 19,9% so với tháng trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2025. Trái lại, tính chung 9 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 74,6 triệu USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng của EVFTA duy trì ở mức 2,1%, tương đương cùng kỳ năm 2025.

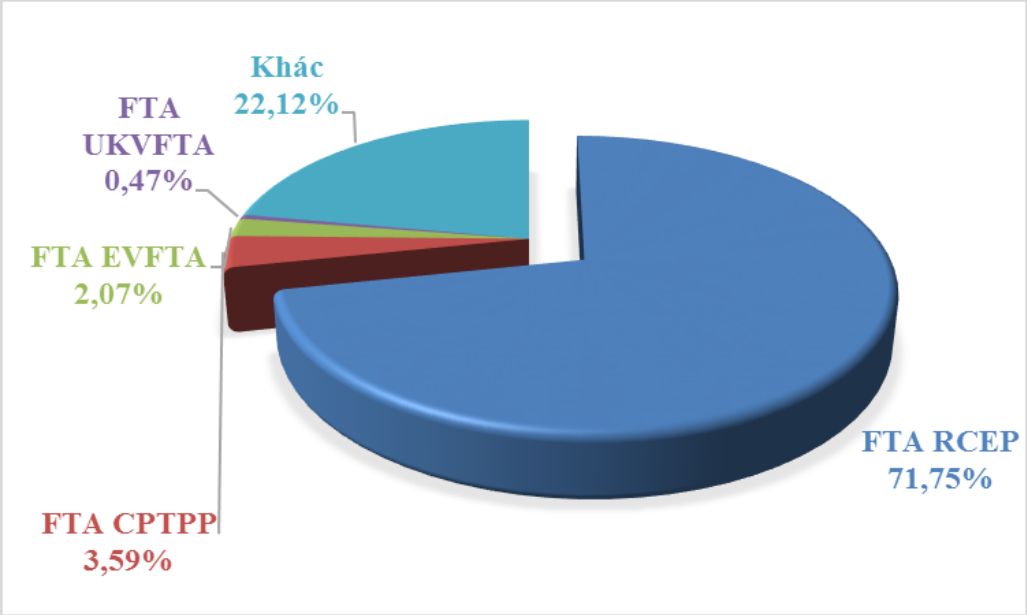
Đối với thị trường Anh, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 đạt 2,0 triệu USD, giảm 26,2% so với tháng trước nhưng tăng 21,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 9 tháng đầu năm, xuất khẩu sang thị trường Anh đạt 17,1 triệu USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2025; tỷ trọng duy trì ở mức 0,5%. Mặc dù quy mô xuất khẩu sang các thị trường thành viên EVFTA và UKVFTA còn khiêm tốn so với RCEP, hai thị trường này vẫn góp phần đa dạng hóa đầu ra cho mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam.

Bảng 5: Xuất khẩu hàng xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam sang các thị trường Hiệp định FTA trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 9/2026 (Triệu USD)	So với tháng 8/2026 (%)	So với tháng 9/2025 (%)	9 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 9 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
Tổng XK	435,6	-2,2	22,4	3604,5	13,1	100	100
RCEP	322,0	-0,2	26,0	2586,2	19,7	71,7	67,8
CPTPP	16,2	6,1	32,1	129,2	5,4	3,6	3,8
EVFTA	6,9	-19,9	-5,2	74,6	12,3	2,1	2,1
UKVFTA	2,0	-26,2	21,7	17,1	6,2	0,5	0,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Biểu đồ 2: Tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam theo các thị trường FTA trong 9 tháng năm 2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Mức cắt giảm thuế quan đối với mặt hàng xơ, sợi dệt các loại tính đến năm 2026 trong một số FTA:

FTA	Cam kết thuế quan mặt hàng xơ, sợi dệt các loại đến năm 2026
EVFTA	Đến năm 2026, EU tiếp tục giảm thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam theo lộ trình đã cam kết. Một số mặt hàng đã được giảm thuế về 0%, trong khi những mặt hàng khác vẫn tiếp

	tục được giảm thuế theo lộ trình. Mức thuế cụ thể phụ thuộc vào từng loại sản phẩm và việc đáp ứng quy tắc xuất xứ của Hiệp định.
CPTPP	Các thành viên CPTPP thực hiện xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế nhập khẩu đối với xơ, sợi dệt theo biểu cam kết riêng. Đến năm 2026, nhiều dòng thuế được hưởng ưu đãi theo lộ trình, nhưng thời điểm đạt thuế suất 0% khác nhau giữa các thị trường và sản phẩm.
UKVFTA	Anh thực hiện ưu đãi thuế quan đối với xơ, sợi dệt của Việt Nam theo lộ trình cam kết của UKVFTA, về cơ bản kế thừa các cam kết thuế quan trong EVFTA. Mức thuế suất năm 2026 phụ thuộc vào từng dòng hàng và việc đáp ứng quy tắc xuất xứ.
EAEUFTA	Đến năm 2026, thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam vào các nước thành viên EAEU được áp dụng theo lộ trình cam kết của Hiệp định. Mức thuế được cắt giảm tùy theo từng loại sản phẩm.
RCEP	Đến năm 2026, thuế nhập khẩu đối với xơ, sợi dệt có xuất xứ Việt Nam tiếp tục được cắt giảm theo lộ trình cam kết của từng thị trường thành viên. Một số dòng thuế đã được đưa về 0%, trong khi các dòng khác có thể vẫn đang trong lộ trình cắt giảm. Mức thuế cụ thể phụ thuộc vào mã HS và thị trường nhập khẩu.